## **BÁO CÁO**

**Một số biện pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2.**

 **A. LÍ DO LỰA CHỌN BIỆN PHÁP**

Chương trình giáo dục phổ thông thực hiện mục tiêu giáo dục:  hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học, giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng ...

Theo Luật Giáo dục (sửa đổi) năm 2018, mục tiêu của giáo dục là phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên các cấp học cao hơn.

     Tự nhiên và Xã hội là môn học đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục. Vì nó cung cấp cho học sinh những hiểu biết cơ bản ban đầu về các sự vật, sự kiện hiện tượng trong tự nhiên, xã hội với mối quan hệ trong đời sống thực tế của con người. Nó trang bị cho các em học sinh những kiến thức cơ bản của bậc học, góp phần bồi dưỡng phẩm chất, nhân cách toàn diện của con người.

     Tuy nhiên với việc dạy học định hướng nội dung như hiện nay nhiều giáo viên không quan tâm đến việc hướng dẫn học sinh vận dụng những kiến thức đã biết và đã hiểu vào thực hành, liên hệ và ứng dụng vào các tình huống của đời sống mà chỉ quan tâm đến việc cung cấp cho học sinh càng nhiều nội dung càng tốt, học sinh biết càng nhiều càng tốt. Hệ quả là học sinh có thể biết rất nhiều nhưng làm thì không được bao nhiêu; kiến thức rất uyên bác nhưng thực hành rất lúng túng, vụng về.

     Để khắc phục được những hạn chế nêu trên đòi hỏi người giáo viên phải chuyển đổi từ dạy học theo định hướng nội dung sang dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Vì mục tiêu cuối cùng của dạy học phát triển năng lực không phải là hệ thống kiến thức, là khối lượng nội dung, mà là năng lực cần có để sống tốt hơn, làm việc hiệu quả hơn, đáp ứng được những yêu cầu của xã hội đang từng ngày thay đổi. Trong mỗi giờ học theo định hướng phát triển năng lực, học sinh không chỉ được mở mang về tri thức mà còn hiểu và biết cách tìm ra tri thức đó; biết tri thức đó giúp được gì cho mình trong cuộc sống hàng ngày và để đi xa hơn trong tương lai.

      Chính vì vậy, tôi đã suy nghĩ, tìm tòi, thiết kế các bài học trong chương trình của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 hiện hành theo hướng phát triển năng lực cho học sinh nhờ đó nâng cao chất lượng dạy và học. Đó cũng là bước chuẩn bị của tôi cho việc đón nhận Chương trình giáo dục phổ thông mới.

     Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu, thực hiện, tôi mạnh dạn lựa chọn kinh nghiệm: **“Một số biện pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2”**

**B. MÔ TẢ BIỆN PHÁP**

**1. Đối tượng nghiên cứu**

- Biện pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2.

- Học sinh lớp 2 - trường Tiểu học Thất Hùng.

**2. Thời gian nghiên cứu:** Năm học 2019 - 2020 và tiếp tục hoàn thiện trong năm học 2020 - 2021.

**3. Một số vấn đề về dạy học phát triển năng lực**

*3.1. Dạy học phát triển năng lực*

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực là mô hình dạy học nhằm phát triển tối đa năng lực của người học, trong đó, người học tự mình hoàn thành nhiệm vụ nhận thức dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người dạy. Quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học trên nguyên lý:

- Học đi đôi với hành;

- Lý luận gắn với thực tiễn;

- Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

*3.2. Yêu cầu dạy học phát triển năng lực môn Tự nhiên và Xã hội*

*3.2.1. Yêu cầu về* *phẩm chất và năng lực đặc thù môn Tự nhiên và Xã hội*

*+ Yêu cầu cần đạt về phẩm chất*

     Cùng với các môn học khác và hoạt động giáo dục ở cấp Tiểu học, môn Tự nhiên và Xã hội góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu đã quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể đó là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

*+ Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù*

     Môn Tự nhiên và Xã hội góp phần hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội cho học sinh. Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội bao gồm 3 năng lực thành phần là:

- Năng lực nhận thức khoa học

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

*3.2.2. Yêu cầu về* *năng lực Chung trong dạy học Tự nhiên và Xã hội*

     Môn Tự nhiên và Xã hội có nhiệm vụ hình thành và phát triển các năng lực chung cho học sinh là năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**4. Nội dung chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2.**

     Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 gồm 35 bài tương ứng với 35 tiết, trong đó có 31 bài học mới và 4 tiết ôn tập, được phân phối theo 3 chủ đề: Con người và sức khoẻ; Tự nhiên; Xã hội. Cụ thể như sau:

     \* Chủ đề: Con người và sức khoẻ (10 bài)

+ Cơ quan vận động (cơ xương và khớp xương; một số cử động vận động; phòng chống cong vẹo cột sống; tập thể dục và vận động thường xuyên để cơ và xương phát triển)

+ Cơ quan tiêu hoá (nhận biết trên sơ đồ, vai trò của từng cơ quan trong hệ tiêu hoá; ăn uống đầy đủ, ăn sạch, uống sạch, phòng nhiễm giun).

      \* Chủ đề xã hội (13 bài)

+ Gia đình: Công việc của các thành viên trong gia đình; cách bảo quản và sử dụng một số đồ dùng trong nhà; giữ sạch môi trường xung quanh nhà ở và khu vệ sinh, chuồng gia súc, an toàn khi ở nhà, phòng tránh ngộ độc.

+ Trường học: Các thành viên trong nhà trường và công việc của họ; cơ sở vật chất của nhà trường; giữ vệ sinh trường học, an toàn khi ở trường.

+ Huyện hoặc quận nơi đang sống: cảnh quan tự nhiên, nghề chính của nhân dân, các đường giao thông, các phương tiện giao thông; một số biển báo giao thông; an toàn giao thông (quy tắc đi những phương tiện giao thông công cộng).

     \* Chủ đề tự nhiên (12 bài)

+ Thực vật và động vật: Một số cây cối và một số con vật sống trên mặt đất, dưới nước, trên không.

+ Bầu trời ban ngày và ban đêm: Mặt trời, cách tìm phương hướng bằng Mặt trời; Mặt trăng và các vì sao.

     Như vậy có thể thấy nội dung kiến thức trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 được phát triển theo nguyên tắc từ gần đến xa, dẫn dắt học sinh mở rộng vốn hiểu biết từ bản thân đến gia đình, trường học, từ cuộc sống xã hội xung quanh đến thiên nhiên rộng lớn, từ những cây cối, con vật thường gặp đến Mặt trời, Mặt trăng và các vì sao.

**4. Thực trạng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 ở trường Tiểu học hiện nay**

*4.1. Giáo viên:*

- Một số giáo viên chưa xác định đúng tầm quan trọng của môn Tự nhiên và Xã hội.

- Giáo viên còn thiếu kinh nghiệm với cách tổ chức hoạt động tích cực cho trò lĩnh hội kiến thức. Hoặc có tổ chức thì còn lúng túng, mất thời gian, qua loa.

- Một số giáo viên chúng ta chưa coi trọng đồ dùng dạy học của bộ môn hoặc ngại dùng, có chuẩn bị song thao tác còn vụng về, lúng túng. Do vậy khiến các em không thích thú với môn học, hiệu quả giờ học không cao.

- Sự hiểu biết của giáo viên còn hạn chế, ít cập nhật thông tin về sự phát triển của Khoa học kỹ thuật.

- Khó khăn lớn nhất đối với tôi đó là còn thiếu kinh nghiệm trong việc dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

*4. 2.Học sinh:*

-  Một số học sinh còn thiếu vốn hiểu biết về cuộc sống xã hội, các hiện tượng tự nhiên.

- Các em diễn đạt còn kém, lúng túng khi tham gia các hoạt động như thảo luận nhóm, trò chơi, trình bày bài làm.

- Học sinh chưa tích cực, chủ động trong việc học: mọi chuẩn bị cho tiết học phụ thuộc vào thầy cô, cha mẹ

Ngay sau 3 tuần học đầu tiên, tôi đã tiến hành đánh giá năng lực học sinh, cho học sinh tự đánh giá - phản hồi, đánh giá việc học của các bạn - phản hồi, hỗ trợ - điều chỉnh và thu được kết quả như sau:

*Bảng 2a. Đánh giá năng lực chung của học sinh lớp 2D trong tháng 9 năm 2020:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sĩ số | Năng lực | Tốt | Hoàn thành | Chưa HT |
| Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % |
|  34 | Tự học | 10 | 29.4% | 24 | 70.6% | 0 |  |
| Giao tiếp, hợp tác | 12 | 35.3% | 22 | 64.7% | 0 |  |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | 5 | 14.7% | 29 | 85.3% | 0 |  |

*Bảng 2b. Đánh giá năng lực đặc thù trong môn Tự nhiên và Xã hội* *của học sinh lớp 2D trong tháng 9 năm 2020 (sử dụng phiếu đánh giá):*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sĩ số | Năng lực | Tốt | Hoàn thành | Chưa HT |
| Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % |
|  34 | Nhận thức  | 10 | 29.4% | 24 | 70.6% | 0 |  |
| Tìm tòi và khám phá | 16 | 47.1% | 18 | 52.9% | 0 |  |
| Vận dụng | 10 | 29.4% | 24 | 70.6% | 0 |  |

Nhìn vào bảng số liệu trên, tôi thấy tỉ lệ học sinh có năng lực chung, năng lực chuyên môn của môn Tự nhiên và Xã hội đạt tốt còn chưa cao. Nguyên nhân một phần là do học sinh lớp 2 còn nhỏ nên khả năng phân tích, tổng hợp, vận dụng  kiến thức còn chưa tốt, ghi nhớ còn máy móc. Nhiều học sinh chưa thể tập trung lâu dài và dễ bị phân tán trong quá trình học tập. Một số em lại nhút nhát, rụt rè, chưa tự giác tham gia vào các hoạt động, chưa phát huy được khả năng hợp tác, sáng tạo. Bên cạnh đó, nhiều em đã quen được học tập và đánh giá theo hướng phát triển nội dung nên khi được học tập và đánh giá

theo hướng phát triển năng lực các em còn lúng túng và gặp nhiều khó khăn.

**5. Một số biện pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2**

**5.1 Biện pháp 1: Thiết kế mục tiêu bài học theo hướng phát triển năng lực cho học sinh.**

     Hiện nay hầu hết giáo viên khi xác định mục tiêu bài học sẽ đưa ra 3 mục tiêu gồm:

a) Kiến thức              b) Kĩ năng            c) Thái độ

     Với cách xác định như vậy mục tiêu dạy học đôi khi còn được mô tả không chi tiết và không nhất thiết phải quan sát, đánh giá được.

     Chính vì vậy khi xác định mục tiêu theo định hướng phát triển năng lực, tôi luôn chỉ ra cụ thể quá trình học sinh tìm kiếm, phát hiện, chiếm lĩnh, phát triển kiến thức, kĩ năng và thái độ. Tức là chỉ ra con đường học sinh tư duy như thế nào để đạt được những kết quả đó. Việc xác định mục tiêu năng lực như vậy buộc tôi phải suy nghĩ, đưa ra tình huống có vấn đề cho học sinh giải quyết nhờ vận dụng kinh nghiệm cuộc sống và từ một trường hợp cụ thể đó mà khái quát hóa thành bài học. Như vậy, trong quá trình học, học sinh phải tư duy ít nhất 2 lần: giải quyết vấn đề và khái quát hóa thành bài học. Ngoài ra, học sinh còn hình thành các năng lực khác như: tự chủ học tập, giao tiếp với nhau, tư duy phản biện,...

     Cụ thể, khi thiết kế mục tiêu bài học theo định hướng phát triển năng lực, tôi đã làm như sau:

*\* Yêu cầu đối với mục tiêu bài dạy*

- Tôi diễn đạt mục tiêu theo yêu cầu của người học.

- Tôi xác định những mục tiêu thích đáng (quan trọng, thiết thực, phù hợp, khả thi)

- Tôi diễn đạt bằng động từ hành động đơn nghĩa và tập trung vào kết quả.

- Kết quả mong đợi tôi diễn tả dưới dạng hành vi có thể quan sát thấy được.

- Tôi luôn xác định rõ thời gian, điều kiện thực hiện.

- Mục tiêu tôi xác định luôn phải phù hợp với đối tượng học sinh (trình độ hiện có của học sinh).

*\* Các nội dung cần thiết kế*

- Kiến thức: tôi nêu những kiến thức cơ bản, quan trọng mà học sinh cần có được sau khi học xong bài học/ chủ đề.

- Kỹ năng: tôi nêu được những kỹ năng mà học sinh hình thành được thông qua bài học/ chủ đề.

- Thái độ: thái độ cần đạt của học sinh khi học bài học/chủ đề

- Các năng lực, phẩm chất cần hình thành.

*\* Kỹ thuật viết mục tiêu bài giảng*

     Tôi không sử dụng các động từ chung chung không đo đạc được: hiểu được, biết được, nắm được, hiểu rõ, có kiến thức, trang bị cho học sinh, có khả năng, nắm vững, suy nghĩ,  Tôi sử dụng các động từ sau:

- Kiến thức:

+ Phân tích, phân loại, tách ra, sắp xếp, so sánh, đối chiếu, rút ra,…

+ Tổng hợp, soạn thảo, tổng kết, hệ thống, thiết kế, lập kế hoạch, đề xuất, liên hệ, tưởng tượng,…

- Kĩ năng:

+ Đánh giá, nhận xét được, kết luận, đánh giá được, xếp hạng, phê phán, miêu tả, chứng minh, thẩm định,…

+ Kể được, vẽ được, thực hành được, thực hiện được, làm được, vận dụng được, sáng tác được, quan sát, hoàn thành, tiến hành, sử dụng, phân tích, xem xét, lập kế hoạch, phát hiện, đọc được đúng các, thu thập,..

- Thái độ:

+ Có thái độ trung thực, cẩn thận, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, đoàn kết, tôn trọng, chấp nhận, đồng tình, ủng hộ, phê phán, bác bỏ, hợp tác, thay đổi, tin tưởng, nghiêm túc, phối hợp, yêu thích, nhận thức được…

+ Có hứng thú, Có ý thức,….

Để nắm rõ hơn về sự khác biệt giữa các xác định mục tiêu theo chương trình định hướng nội dung và mục tiêu theo chương trình định phát triển năng lực tôi đã đưa ra một số ví dụ minh họa cụ thể sau:

*\* Ví dụ minh họa:*

*Bài 3 (trang 6) : Hệ cơ (Chủ đề Con người và Sức khỏe)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mục tiêu theo chương trìnhđịnh hướng nội dung: | Mục tiêu theo chương trình định hướng phát triển năng lực: |
| Qua bài này học sinh có thể:- Chỉ và nói được tên một số cơ của cơ thể.- Biết được rằng cơ có thể co duỗi, nhờ đó mà các bộ phận của cơ thể mới có thể cử động được.- Có ý thức tập thể dục thường xuyên để cơ săn chắc.  | Qua bài này học sinh có thể: - Chỉ và kể tên một số cơ của cơ thể trên sơ đồ.- Chứng minh được nhờ có sự co duỗi của cơ, các bộ phận cơ thể có thể cử động được.- Lập kế hoạch tập luyện thể dục, thể thao vừa sức để cơ được săn chắc.Bài học góp phần phát triển ở học sinh:- Năng lực tìm tòi, khám phá (bằng quan sát, thí nghiệm và liên hệ thực tế). |

**5.2. Biện pháp 2: Phát triển năng lực học sinh bằng cách tổ chức dạy học thông qua hoạt động trải nghiệm**

*\* Khái niệm:* Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường”.

Như vậy, không phải học sinh được thực hành các công việc thực tế bên ngoài lớp học mới gọi là trải nghiệm.

Trải nghiệm trong dạy học nói chung và trong môn học Tự nhiên xã hội nói riêng có thể được tiến hành trên cả ba hoạt động: Trải nghiệm suy nghĩ, ý tưởng; Trải nghiệm lời nói; Trải nghiệm hành động.

Trong mỗi tiết dạy nếu các em được trải nghiệm đầy đủ theo các hoạt động trên, các em không chỉ nắm vững kiến thức, năng động, sáng tạo mà còn góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và các năng lực đặc thù.

Thông qua các hoạt động trải nghiệm các em được khám phá bản thân, rèn luyện bản thân, phát triển quan hệ với bạn bè, thầy cô và cả người thân trong gia đình. Đặc biệt ngôn ngữ toán học được chuẩn xác, khả năng lập luận trở nên logic, tư duy phát triển.

 *\* Vai trò của hoạt động trải nghiệm trong phát triển năng lực:*

- Phát triển năng lực tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề của học sinh.

- Phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, giúp các em có cách nhìn toàn diện hơn trước các hiện tượng, sự việc nảy sinh trong hoạt động, cuộc sống hàng ngày.

*\* Cách tiến hành:*Tôi thường tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Phổ biến về nội dung và kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Bước 2: Tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Bước 3: Đánh giá, tổng kết việc thực hiện hoạt động trải nghiệm.

*\* Ví dụ minh họa: Bài 15: Trường học (tuần 15)*

*Hoạt động:* Quan sát, tìm hiểu về các phòng ban trong trường tiểu học của học sinh.

*Mục tiêu:*

- Học sinh kể được tên, vị trí một số các phòng ban trong nhà trường.

- Mô tả được về ngôi trường của mình.

- Học sinh có thái độ yêu quý, gắn bó với ngôi trường thân yêu của mình.

- Phát triển năng lực tìm tòi khám phá, năng lực giao tiếp.

*Bước 1:*Phổ biến về nội dung và kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm

- Yêu cầu học sinh quan sát ngôi trường sau đó mô tả lại bằng lời nói và sơ đồ.

*Bước 2:*Tổ chức hoạt động trải nghiệm

- Tổ chức cho học sinh tham quan xung quanh trường. Trước khi cho học sinh tham quan, nêu yêu cầu định hướng: Cần ghi chép lại tên, vị trí các phòng ban trong nhà trường.

- Nói với  nhau theo nhóm những gì đã quan sát được.

- Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi “Em là hướng dẫn viên du lịch”

- Triển lãm tranh, các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

*Bước 3:*Đánh giá, tổng kết việc thực hiện hoạt động trải nghiệm.

  - Đánh giá, tổng kết đưa ra kết luận: Trường học thường có sân, vườn và nhiều phòng như: Phòng làm việc của ban giám hiệu, phòng hội đồng, nhà đa năng, phòng thư viện và các phòng học, nhà xe, khu bán trú.

*\* Các bài có thể tích hợp hoạt động trải nghiệm trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 sẽ đạt hiệu quả cao:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài (trang)** | **Nội dung (hoạt động) áp dụng** **dạy trải nghiệm** | **Ghi chú** |
| 1 | Bài 7 : Ăn uống đầy đủ (trang 16,17) | - Gv tổ chức trò chơi “**Đi chợ**” trong hoạt động 2. HS tham gia trò chơi để biết chuẩn bị thực phẩm trong bữa ăn hàng ngày đủ lượng, đủ chất. - HS trải nghiệm tại nhà ăn bán trú của trường :+ Kể tên những thức ăn, đồ uống em được dùng trong bữa trưa hôm nay?+ Em thích ăn loại thức ăn nào trong số đó ? |  |
| 2 | Bài 8 : Ăn uống sạch sẽ (trang 18,19) | - HS trải nghiệm tại nhà ăn bán trú của trường :+ Trước khi ăn, em cần làm gì ?+ Khi ăn, uống ta cần chú ý điều gì? |  |
| 3 | Các bài : - Bài 11: Gia đình ; - Bài 12: Đồ dùng trong gia đình- Bài 13: Giữ sạch môi trường xung quanh nhà ở.- Bài 14: Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà. | - HS trải nghiệm sau khi học hết các bài. GV phối hợp với một số phụ huynh học sinh để cho HS đến nhà một số HS trong lớp gần trường để quan sát. HS đó giới thiệu về gia đình mình, nhà ở của mình. Các HS khác tham gia trao đổi, phỏng vấn về các thành viên của gia đình, các đồ dùng trong nhà, công việc của các thành viên trong gia đình HS... |  |
| 4 | Bài 15: Trường học (trang 32, 33)  | - HS trải nghiệm kể về trường học của mình và kể cho nhau nghe về những gì đã quan sát được thông qua trò chơi  "Em là hướng dẫn viên du lịch" |  |
| 5 | Bài 17 : Phòng tránh ngã khi ở trường  (trang 34, 35)  | - HS trải nghiệm tham quan trường học và chỉ ra những chỗ chơi dễ gây nguy hiểm hoặc những trò chơi nguy hiểm dễ xảy ra tai nạn. |  |
| 6 | Bài 18 : Thực hành giữ trường học sạch, đẹp (trang 38, 39) | - HS trải nghiệm qua hoạt động 2: Thực hành vệ sinh trường học: HS tự thực hành dưới sự hướng dẫn của GV. GV chia nhóm, hướng dẫn HS chuẩn bị dụng cụ để quét dọn sân trường, lau chùi bàn ghế, nhổ cỏ, tưới cây... |  |
| 7 | Bài 19 : Đường giao thông (trang 40, 41) | - HS trải nghiệm quan sát một số biển báo trên đường khu vực gần trường học. |  |
| 8 | Bài 21,22 : Cuộc sống xung quanh (trang 44, 45, 46, 47) | - Tham mưu với BGH sắp xếp thời khóa biểu 2 tiết liền nhau trong một buổi, kết hợp với phụ huynh, Đoàn Đội tổ chức cho HS trải nghiệm quan sát thực tế địa phương: HS ra khu vực cổng trường, UBND xã, chợ, bưu điện,….để quan sát theo hướng dẫn của GV rồi trình bày một số nét chính về hoạt động sinh sống của người dân ở địa phương mà HS quan sát được và nêu tên mốt số nghề chính của người dân trong xã. |  |
| 9 | Các bài học chủ đề Tự nhiên : *bài 24: Cây sống ở đâu; bài 25: Một số loài cây sống trên cạn; bài 26: Một số loài cây sống dưới nước; bài 27: Loài vật sống ở đâu?; bài 28: Một số loài vật sống trên cạn; bài 29: Một số loài vật sống dưới nước; bài 31: Mặt Trời; bài 32: Mặt Trời và phương hướng.* | - GV áp dụng phương pháp quan sát kết hợp với linh hoạt với các phương pháp dạy học khác.- HS trải nghiệm trong các hoạt động quan sát. GV chuẩn bị để HS được quan sát trực tiếp đối tượng được học trong từng bài để nhận ra đặc điểm của đối tượng theo mục đích yêu cầu của bài.- GV tổ chức tiết học ngoài trời (nếu có điều kiện) |  |

**5.3. Biện pháp 3: Vận dụng mô hình 5E trong dạy học**

*5.3.1. Mô hình 5E là gì ?*

***Mô hình dạy học STEM***“5E” là tên viết tắt của 5 từ bắt đầu bằng chữ E trong tiếng Anh: Engage (Gắn kết), Explore (Khảo sát), Explain (Giải thích), Elaborate (Áp dụng), và Evaluate (Đánh giá). Mô hình 5E là mô hình dạy học trong chương trình giáo dục STEM.

Mô hình 5E là mô hình dạy học khoa học phù hợp với triết lý giáo dục “lấy người học làm trung tâm” và được xây dựng dựa trên lý thuyết dạy học kiến tạo. Việc giáo viên thiết kế bài dạy theo các pha của quy trình 5E tạo điều kiện thuận lợi học sinh tiếp nhận kiến thức một cách có hệ thống và hiệu quả.

*5.3.2 Vận dụng mô hình 5E trong dạy học*

Phương pháp dạy học 5E đem lại cho học sinh cơ hội được diễn đạt suy

nghĩ cảm nhận và xây dựng kiến thức mới trong suốt quá trình học. Mô hình 5E bao gồm các pha chính như: gây hứng thú, khám phá, giải thích, mở rộng và đánh giá**:**

**Pha 1: Engagement (Gắn kết/ Gây hứng thú):**

Bắt đầu buổi học, giáo viên sẽ xác định xem học sinh nắm kiến thức cũ đến đâu và tìm ra những lỗ hổng kiến thức của các em. Giáo viên cần khuyến khích, tạo cảm hứng để học sinh quan tâm và có hứng thú với [chủ đề dạy học stem](https://makeblock.com.vn/chu-de-day-hoc-steam) sắp đưa ra.

Giai đoạn đầu này cho phép học sinh liên hệ với những lý thuyết hay trải nghiệm mà các em đã có từ trước đó.

**Pha 2:** **Explore (Khám phá)**

Ở giai đoạn thứ 2 củamô hình dạy học STEM “5E”, học sinh chủ động tìm hiểu các khái niệm mới thông qua những trải nghiệm cụ thể. Giáo viên đóng vai trò cung cấp những kiến thức nền tảng, học sinh có thể dựa vào đó để xây dựng nên những kiến thức mới. Học sinh có thể trực tiếp khám phá, thao tác trên các vật liệu hoặc công cụ đã được chuẩn bị sẵn qua các hoạt động như quan sát, thí nghiệm, thu thập số liệu.

**Pha 3: Explain (Giải thích)**

Giai đoạn này, học sinh sẽ được hướng dẫn tổng hợp kiến thức mới và được giải đáp những thắc mắc để hiểu rõ hơn chủ đề. Tại bước này, giáo viên có thể giới thiệu các khái niệm mới, công thức mới để học sinh có thể liên hệ với những kiến thức trước đó.

Giáo viên tạo điều kiện cho học sinh được trình bày, miêu tả, phân tích các trải nghiệm hoặc quan sát thu nhận được ở bước Khảo sát. Để bước Giải thích hiệu quả hơn, giáo viên nên yêu cầu học sinh chia sẻ những gì các em đã thu được.

**Pha 4: Elaborate (Áp dụng/ Mở rộng)**

Đây là giai đoạn tạo điều kiện cho học sinh được áp dụng những kiến thức học được. Giáo viên đóng vai trò người hỗ trợ học sinh vận dụng và thực hành những kiến thức đã tổng hợp được, giúp học sinh hình dung rõ ràng hơn những kiến thức đó để có thể áp dụng vào thực tế. Mô hình dạy học STEM “5E” hướng tới mục đích giúp học sinh củng cố kiến thức cũ và chủ động xây dựng nên kiến thức mới.

**Pha 5: Evaluate (Đánh giá)**

Mô hình giáo dục 5E cho phép giáo viên đánh giá học sinh dưới dạng bài kiểm tra hoặc những câu hỏi nhanh. Giáo viên cũng có thể đánh giá qua việc quan sát học sinh hoạt động nhóm. Ngoài ra ở giai đoạn này, yếu tố tự đánh giá cũng rất hữu ích.

Ở đây, giáo viên sẽ linh hoạt sử dụng các kỹ thuật đánh giá đa dạng để nhận biết quá trình nhận thức và khả năng của từng học sinh, từ đó đưa ra các phương hướng điều chỉnh và hỗ trợ học sinh phù hợp, giúp học sinh đạt được các mục tiêu học tập như đã đề ra.

 Như vậy để vận dụng mô hình 5E đạt hiệu quả giáo viên cần sáng tạo trong việc vận dụng các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm (trò chơi, tham quan du lịch, hội thi, hoạt động nhân đạo hoặc các phương pháp dạy học linh hoạt như phương pháp động não, phương pháp quan sát, phương pháp đóng vai, phương pháp thảo luận nhóm...và sử dụng triệt để đồ dùng dạy học.

*\*Ví dụ minh họa: Bài 6: Tiêu hóa thức ăn*

 *Để chứng minh học sinh chứng minh được vì sao phải ăn chậm nhai kĩ,  không được chảy nhảy sau khi ăn, không được vừa ăn vừa uống quá nhiều nước, GV có thể áp dụng mô hình 5e để kích thích sự tìm tòi của học sinh. Tôi tiến hành như sau:*

*Pha 1: Gây hứng thú:* Giáo viên cho học sinh xem một video clip về hình ảnh Em bé vừa ăn vừa chạy nhảy khắp nhà rồi kêu đau bụng./ Bạn nhỏ có thói quen uống nhiều nước khi ăn.

Đặt câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời: Điều gì khiến em bé đau bụng? Khi ăn cần lưu ý điều gì? Học sinh trả lời theo ý hiểu. Lúc này câu trả lời của học sinh đúng hay sai chưa quan trọng ở giai đoạn này. Mục tiêu chính là định hướng cho học sinh hướng tới chủ đề cần học và khuyến khích học sinh suy nghĩ, khám phá vấn đề.

*Pha 2: Khám phá*

Giáo viên chia học sinh thành các nhóm học tập. Sau đó yêu cầu mỗi nhóm học tập thực hiện các công việc đặt ra và ghi chú lại trong phiếu học tập của nhóm.

*Thí nghiệm 1:*

- Giáo viên chuẩn bị 1 miếng bánh mì và 1 quả bóng.

- Yêu cầu mỗi nhóm cử ra 2 học sinh:

Học sinh 1: Xé và nhét bánh mì vào bóng bay từ tốn.

Học sinh 2: Xé và nhét bánh mì vào bóng bay thật nhanh.

*Thí nghiệm 2:*

- Giáo viên chuẩn bị 1 quả bóng đã được nhồi các miếng bánh mì.

- Yêu cầu mỗi nhóm cử ra 2 học sinh:

Học sinh 1: Đi lại nhẹ nhàng vừa đi vừa nhào trộn bánh mì trong quả bóng.

Học sinh 2: Vừa chạy nhảy vừa nhào trộn bánh mì trong quả bóng.

*Thí nghiệm 3:*

- Giáo viên chuẩn bị 1 quả bóng đã được nhồi các miếng bánh mì.

- Yêu cầu mỗi nhóm cử ra 2 học sinh:

Học sinh 1: Đổ một lượng nước vừa đủ để thấm ướt các miếng bánh mì sau đó nhào trộn bánh mì trong quả bóng.

Học sinh 2: Đổ nhiều nước vào quả bóng sau đó nhào trộn bánh mì trong quả bóng.

*Pha 3: Giải thích:* Giáo viên đề nghị mỗi nhóm trình bày những vấn đề đã thực hiện. VD:

*Thí nghiệm 1:*

Học sinh 1: Nhét được hết miếng bánh mì, các miếng bánh có kích thước khá đều nhau.

Học sinh 2: Các miếng bánh có kích thước không đều, đôi khi còn bị vướng, không nhét được bánh mì.

*Thí nghiệm 2:*

Học sinh 1: Bánh mì được nhào trộn kĩ, kích thước đều nhau.

Học sinh 2: Bánh mì không được nhào trộn kĩ, kích thước đều nhau.

*Thí nghiệm 3:*

Học sinh 1: Bánh mì được nhào trộn kĩ, kích thước đều nhau, có chỗ quả bóng bị cào xước, lộ rõ ra bên ngoài.

Học sinh 2: Bánh mì không được nhào trộn kĩ, kích thước đều nhau, thỉnh thoảng nước còn trào ra ngoài.

*Pha 4: Mở rộng:* =>HS rút ra kết luận và vận dụng trong thực tế, GV nhận xét chung:

- Kết luận 1: Nếu ăn vội vàng, thức ăn không được nghiền nát, đôi khi có thể bị mắc nghẹn.

- Kết luận 2: Nếu vừa ăn vừa chạy nhảy, thức ăn được nghiền nát không đều, thức ăn va đập vào dạ dày gây đau bụng.

- Kết luận 3: Vừa ăn vừa uống quá nhiều nước khiến cho dạ dày khó nhào trộn được thức ăn, dễ bị nôn, trớ.

- HS giải thích lí do khiến bạn nhỏ trong video bị đau bụng và những điều cần lưu ý khi ăn và sau khi ăn.

*Pha 5: Đánh giá:* GV tổ chức cho HS tự đánh giá về việc tham gia hoạt động của các nhóm hoặc có thể sử dụng phiếu đánh giá liên quan nội dung bài học.

Như vậy bằng việc vận dụng **mô hình 5E** vào dạy Bài 6: *Tiêu hóa thức ăn,* học sinh phát huy được sự sáng tạo, vai trò trung tâm của mình để nắm được quy trình tiêu hóa thức ăn, *khi ăn phải ăn chậm nhai kĩ,  không được chảy nhảy sau khi ăn, không được vừa ăn vừa uống quá nhiều nước. Giáo viên chỉ gợi mở, hướng dẫn và tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận kiến thức, học sinh rất hứng thú, hào hứng khi thực hiện nhiệm vụ học tập, việc phát triển năng lực học tập của các em đạt hiệu quả cao. Đồng thời khi thực hành thí nghiệm các kĩ năng mềm của các em được phát huy như kĩ năng cộng tác, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy sang tạo, tư duy logic…*

**5.4. Biện pháp 5:  Phối hợp Tự nhiên và Xã hội với các môn học khác.**

      Trong trường Tiểu học các môn học có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, môn nọ là nền tảng để học tốt môn kia. Vì vậy trong quá trình giảng dạy, tôi luôn tích hợp kiến thức của các môn học có liên quan như: Tiếng Việt, Đạo đức, Mĩ thuật để giúp học sinh phát triển năng lực vận dụng, sáng tạo.

*\* Ví dụ minh họa:* Chủ điểm: “*Sông biển*”, “*Cây cối*”, “*Muông thú*” ở các bài học trong SGK Tiếng Việt 2 có mối liên hệ mật thiết với chủ đề Tự nhiên trong môn Tự nhiên và Xã hội. Ở chủ điểm “Sông biển” bài tập đọc “Tôm càng và Cá con”, học sinh được biết cuộc sống thú vị ở dưới nước của các loài tôm cá và đặc biệt biết có loài cá ăn thịt: Con cá dữ.

- Hoặc bài Luyện từ và câu Tuần 26. Học sinh biết xếp tên các loài cá trong tranh vào hai nhóm: + Cá nước mặn (cá biển)    + Cá nước ngọt (cá ở sông, hồ, ao)

**5.5. Biện pháp 5: Phối hợp với phụ huynh học sinh, nhân viên thư viện, nhân viên y tế trong dạy học phát triển năng lực cho học sinh.**

     Để dạy học theo định hướng phát triển năng lực, tôi đã phối hợp với phụ huynh học sinh, nhân viên thư viện, nhân viên y tế trong các hoạt động sau:

*5.5.1 Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, clip, video có liên quan đến bài học.*

     Những tài liệu, tranh ảnh, clip, video, này có thể do phụ huynh và học sinh sưu tầm trên sách báo, trên mạng Internet; do đọc sách, báo được nhân viên thư viện giới thiệu; do nhân viên y tế tuyên truyền hoặc cũng có thể do chính phụ huynh chụp hoặc quay lại những hoạt động trong cuộc sống hằng ngày của học sinh.

*5.5.2 Tổ chức tham quan học tập cho học sinh.*

     Với các bài như “*Trường học*”, “*Các thành viên trong nhà trường*”, tôi phối hợp với nhân viên thư viện, nhân viên y tế tổ chức cho học sinh tham quan phòng thư viện, phòng y tế. Trước khi tham quan tôi đưa ra câu hỏi định hướng, yêu cầu học sinh quan sát, phỏng vấn, thu thập tranh ảnh, tư liệu về phòng thư viện, phòng y tế cũng như công việc của nhân viên thư viện, nhân viên y tế.

     Với các bài trong chủ đề *“Tự nhiên”* và chủ đề *“Xã hội”* như “*Cây sống ở đâu?*”, “*Một số loài cây sống trên cạn*”, “*Một số loài cây sống dưới nước*”, “*Loài vật sống ở đâu?*”, tôi khuyến khích phụ huynh cho con đi tham quan các vườn bách thú, vườn bách thảo, công viên, thủy cung, nông trại, Khuyến khích phụ huynh chụp ảnh, quay video làm tư liệu, ghi chép phiếu quan sát.

**C. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

      Bằng những biện pháp cụ thể đã áp dụng như vừa nêu trên, với sự nỗ lực không ngừng của giáo viên và học sinh, tôi thấy năng lực chung và năng lực học tập môn Tự nhiên và Xã hội của học sinh đã được nâng cao rõ rệt. Học sinh yêu thích môn Tự nhiên và Xã hội hơn, hầu hết các em đều rất hào hứng tham gia vào các tiết học, chăm chú lắng nghe cô giáo giảng bài và tích cực tham gia các hoạt động. Nhiều em biết vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào cuộc sống hằng ngày. Điều này có thể thấy rõ với bảng số liệu sau:

*Bảng 2a. Đánh giá năng lực chung của học sinh lớp 2D đầu tháng 12 năm 2020:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sĩ số | Năng lực | Tốt | Hoàn thành | Chưa HT |
| Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % |
|  34 | Tự học | 25 | 73.5% | 9 | 26.5% | 0 | 0% |
| Giao tiếp, hợp tác | 26 | 76.1% | 8 | 23.5% | 0 | 0% |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | 17 | 50% | 17 | 50% | 0 | 0% |

 *Bảng 2b. Đánh giá năng lực đặc thù trong môn Tự nhiên và Xã hội* *của học sinh lớp 2D đầu tháng 12 năm 2020:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sĩ số | Năng lực | Tốt | Hoàn thành | Chưa HT |
| Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % |
|  34 | Nhận thức | 25 | 73.5% | 9 | 26.5% | 0 | 0% |
| Tìm tòi và khám phá | 27 | 79.4% | 7 | 20.1% | 0 | 0% |
| Vận dụng | 17 | 50% | 17 | 50% | 0 | 0% |

*Bảng 2c. Đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội* *của học sinh lớp 2D cuối học kì 1 năm 2020:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sĩ số | Đợt đánh giá | Tốt | Hoàn thành | Chưa HT |
| 34 | Cuối kì I | 25 = 73.5% | 9 = 26.1% |  |

  Kết quả trên là một minh chứng cho thấy chất lượng học tập môn Tự Nhiên và Xã hội của học sinh lớp tôi được nâng lên rất nhiều. Đây là thành công của tôi trong quá trình giảng dạy môn môn Tự nhiên và Xã hội theo hướng phát triển năng lực.

**D. KẾT LUẬN - KHUYẾN NGHỊ**

**1. Bài học kinh nghiệm**

Trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức các hoạt động theo hướng phát triển năng lực cho học sinh, tôi đã rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

     1. Yêu cầu về kiến thức:

- Giáo viên cần nắm vững được kiến thức, năng lực xuyên suốt trong toàn cấp học, đối với môn Tự nhiên và Xã hội nói riêng và các môn học khác nói chung. Từ hệ thống kiến thức, năng lực đó, giáo viên sâu chuỗi lại để có định hướng giảng dạy theo hướng phát triển năng lực cho học sinh đúng trọng tâm.

- Giáo viên cũng cần phải có kiến thức tích hợp trong từng bài, từng chủ điểm trong từng khối lớp, để thuận lợi trong việc thiết kế bài học, định hướng các phương pháp dạy học trong từng chủ điểm của môn học cho phù hợp.

     2. Lập kế hoạch bài học:

- Giáo viên cần nắm vững nội dung cơ bản của bài học trong Sách giáo khoa và những hướng dẫn cụ thể về mục tiêu và năng lực cần đạt.

- Tùy theo đặc điểm của từng bài mà xây dựng kế hoạch bài giảng phù hợp.

      3. Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học: Các phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội rất đa dạng. Mỗi phương pháp có mặt hay và hạn chế riêng vì vậy khi sử dụng các phương pháp dạy học giáo viên cần nắm vững các phương pháp hình thức tổ chức dạy học, lựa chọn kết hợp các phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài dạy, chủ điểm và năng lực cần đạt của bài học đó. Căn cứ vào đối tượng học sinh mà sử dụng các phương pháp dạy học một cách hợp lí, linh hoạt và đúng mức.

      4. Tổ chức tốt các hoạt động trên lớp:

- Giáo viên cần khéo léo sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, các hình thức tổ chức, dẫn dắt học sinh đạt được đích cần đến sau những hoạt động.

- Không tách rời các hoạt động mà phải có sự đan xen, liên kết, hỗ trợ giữa các hoạt động với nhau.

- Để tiết dạy nhẹ nhàng có hiệu quả giáo viên cần giao việc rõ ràng, chốt nội dung kiến thức ở từng hoạt động. Luôn tôn trong mọi suy nghĩ đóng góp, ý kiến hoặc câu trả lời của học sinh. Đặc biệt cần động viên khuyến khích, học sinh thường xuyên. Giúp học sinh tự tin hơn, chủ động hơn trong việc chiếm lĩnh tri thức.

      5. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức và phương tiện dạy học:

- Giáo viên có thể vận dụng linh hoạt các hình thức dạy học theo cá nhân, theo nhóm nhỏ, theo lớp ở trong hoặc ngoài phòng học. Tổ chức các trò chơi học tập để khuyến khích học sinh tích cực hoạt động, lĩnh hội kiến thức.

- Ngoài ra, đồ dùng dạy học là phương tiện dạy học không thể thiếu trong những tiết dạy. Vì vậy, khi sử dụng  giáo viên phải nắm vững ý đồ của đồ dùng, linh hoạt đưa đồ dùng đúng lúc để phát huy hết tác dụng. Cần phải sử dụng đồ dùng như một nguồn cung cấp kiến thức chứ không để minh họa cho bài học, làm đẹp cho giờ học.

 **2. Kết luận**

     Qua quá trình tìm hiểu nội dung, phương pháp giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội cũng như qua quá trình trực tiếp giảng dạy lớp 2, tôi nhận thấy để có được thành công và có hiệu quả cao trong giờ dạy theo định hướng phát triển năng lực, người giáo viên cần phải:

+ Nghiên cứu kĩ nội dung bài dạy, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, chuẩn bị đồ dùng dạy học, tư liệu chu đáo.

+ Không ngừng học hỏi đồng nghiệp để trau dồi chuyên môn nghiệp vụ như dự giờ, thăm lớp.

+ Tham gia đầy đủ các lớp học bồi dưỡng do nhà trường cử đi.

+ Đọc Sách giáo khoa, các tài liệu khác để bổ trợ kiến thức Tự nhiên và Xã hội nói riêng và các kiến thức khác nói chung cho bản thân.

+ Có ý thức tự trau dồi, tự bồi dưỡng kiến thức, tự học không ngừng, bởi “Mỗi thầy cô là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo”.

+ Học sinh cần được coi là trung tâm của quá trình học, tự mình chiếm lĩnh hệ thống kiến thức, năng lực dưới sự điều khiển của giáo viên.

**3. Khuyến nghị**

*3.1. Khuyến nghị với giáo viên trong tổ chuyên môn:*

     Khi giảng dạy, để thực hiện được tất cả những biện pháp đã nêu trên, theo tôi người giáo viên cần:

- Chú ý xác định nhiệm vụ của từng nội dung, từng tiết học để có kế hoạch tổ chức các đoạt động cho hợp lí.

- Thường xuyên trau dồi kiến thức, năng lực sư phạm, phương pháp dạy học bộ môn cho mình.

- Hình dung trước những khó khăn, những sai lầm mà học sinh có thể mắc phải để chuẩn bị cách hướng dẫn thích hợp.

- Sau mỗi lần dạy cần nghiên cứu lại để bản thân giáo viên có kinh nghiệm hơn có thể dùng phương pháp tốt hơn.

*3.2. Khuyến nghị với Ban giám hiệu nhà trường*.

     Giáo viên chúng tôi mong muốn được cung cấp thêm tài liệu về Tự nhiên và Xã hội như sách, truyện, tài liệu và tài liệu về dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

*3.3. Khuyến nghị với các Cán bộ giáo dục*

+ Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu Tự nhiên và Xã hội cho học sinh.

Trên đây là những giải pháp tôi đã thực hiện nghiên cứu và tích luỹ, song trong quá trình nghiên cứu không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của các giám khảo Hội thi và bạn bè đồng nghiệp để các biện pháp được hoàn thiện hơn.

 ***Xin trân trọng cảm ơn!***

|  |  |
| --- | --- |
|  **TRƯỜNG TIỂU HỌC THẤT HÙNG**  | **NGƯỜI VIẾT BÁO CÁO****Tiên Thị Dung** |